

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày ngày 31 tháng 3 năm 2026



Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 35

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	
Ông Robert Alan Willett	Thành viên	
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiếu Em.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 21 tháng 4 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026

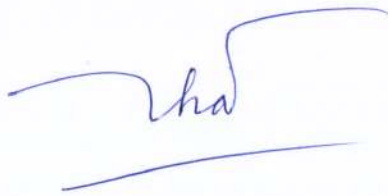
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		52.643.317.430.552	52.547.391.181.642
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.196.850.711.158	3.403.397.507.734
111	1. Tiền		3.196.850.711.158	3.383.397.507.734
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		24.626.681.104.010	24.595.564.699.379
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	24.626.681.104.010	24.595.564.699.379
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.587.873.567.976	1.370.416.945.415
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	286.626.289.203	379.182.509.097
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	27.009.338.163	19.670.529.397
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.274.237.940.610	971.563.906.921
140	IV. Hàng tồn kho	9	22.824.035.706.960	22.644.526.000.391
141	1. Hàng tồn kho		23.573.068.063.271	23.254.120.155.400
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(749.032.356.311)	(609.594.155.009)
160	V. Tài sản ngắn hạn khác		407.876.340.448	533.486.028.723
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	10	306.373.017.099	328.323.620.044
162	2. Thuế GTGT được khấu trừ		101.503.323.349	205.162.408.679
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.105.212.418.174	3.796.459.687.903
210	I. Phải thu dài hạn		242.148.183.417	238.569.002.397
215	1. Phải thu dài hạn khác	11	242.148.183.417	238.569.002.397
220	II. Tài sản cố định		688.923.665.716	773.989.042.837
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	662.924.787.216	747.990.164.337
222	Nguyên giá		9.397.087.785.495	9.378.247.559.052
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.734.162.998.279)	(8.630.257.394.715)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	25.998.878.500	25.998.878.500
228	Nguyên giá		36.771.076.200	36.771.076.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
250	III. Tài sản dở dang dài hạn		10.251.876.574	54.108.981.914
252	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	10.251.876.574	54.108.981.914
260	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		2.513.296.097.484	2.291.403.340.229
261	1. Đầu tư vào các công ty con	15.1	499.998.900.000	499.998.900.000
262	2. Đầu tư vào công ty liên doanh	15.2	513.794.797.484	391.404.440.229
265	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	5	1.499.502.400.000	1.400.000.000.000
270	V. Tài sản dài hạn khác		650.592.594.983	438.389.320.526
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	10	2.880.821.743	12.420.343.336
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	647.711.773.240	425.968.977.190
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		56.748.529.848.726	56.343.850.869.545

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		36.747.605.324.527	38.523.034.983.359
310	I. Nợ ngắn hạn		36.747.605.324.527	38.523.034.983.359
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	8.637.650.032.093	9.818.045.442.335
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	146.147.672.870	190.583.985.818
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	749.583.867.594	788.136.432.454
315	4. Phải trả người lao động		126.801.363.088	155.620.813.000
316	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.049.803.506.860	2.950.957.104.342
319	6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	19	612.715.630.272	536.936.718.444
320	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	1.365.160.720.117	782.867.096.513
321	8. Vay ngắn hạn	21	21.961.361.103.173	23.210.389.329.323
322	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		98.381.428.460	89.498.061.130
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	22	20.000.924.524.199	17.820.815.886.186
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		11.012.835.000.000	11.012.835.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.012.835.000.000	11.012.835.000.000
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.988.089.524.199	6.807.980.886.186
420a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		6.807.980.886.186	5.698.046.045.864
420b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		2.180.108.638.013	1.109.934.840.322
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		56.748.529.848.726	56.343.850.869.545



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	32.675.056.046.133	24.839.869.272.850
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(239.072.502.856)	(197.955.061.033)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	32.435.983.543.277	24.641.914.211.817
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 28	(26.213.574.825.407)	(20.228.279.234.929)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.222.408.717.870	4.413.634.976.888
22	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	500.802.094.173	429.064.823.220
23 24	7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí đi vay	25	(323.829.330.014) (322.270.011.669)	(200.837.695.020) (279.378.983.204)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(2.588.743.367.185)	(2.000.251.904.609)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(1.087.255.542.639)	(758.859.830.858)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.723.382.572.205	1.882.750.369.621
31	11. Thu nhập khác		6.293.620.934	6.109.624.448
32	12. Chi phí khác		(173.738.786)	(2.669.520.976)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		6.119.882.148	3.440.103.472
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.729.502.454.353	1.886.190.473.093
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(771.136.612.392)	(380.292.182.958)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.1	221.742.796.052	2.102.682.734
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.180.108.638.013	1.508.000.972.869

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.729.502.454.353	1.886.190.473.093
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12, 13	134.073.624.287	188.583.194.862
03	Dự phòng		148.321.568.632	11.990.839.619
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(913.927.127)	(48.240.903)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính		(458.500.560.036)	(382.110.172.612)
06	Chi phí đi vay	25	322.270.011.669	200.056.207.264
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.874.753.171.778	1.904.662.301.323
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(117.376.718.249)	(316.952.159.695)
10	Tăng hàng tồn kho		(318.947.907.871)	(611.888.566.984)
11	Tăng các khoản phải trả		(462.523.318.220)	2.226.186.021.848
12	(Tăng) giảm Chi phí chờ phân bổ		31.490.124.538	(2.380.025.636)
14	Chi phí đi vay đã trả		(312.463.479.121)	(216.972.008.069)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(760.231.252.362)	(415.064.214.814)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		934.700.620.493	2.567.591.347.973
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(116.208.978.265)	(24.589.934.831)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		18.152.613.100	810.669.433
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(6.885.819.208.219)	(8.247.009.382.680)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		6.794.778.235.150	6.054.581.527.697
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(122.390.357.255)	-
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		418.354.577.443	284.616.507.898
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		106.866.881.954	(1.931.590.612.483)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	21.899.652.103.930	17.460.104.406.287
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(23.148.680.330.080)	(19.642.079.844.340)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(500.000.000.005)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.249.028.226.150)	(2.681.975.438.058)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(207.460.723.703)	(2.045.974.702.568)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.403.397.507.734	3.754.805.560.503
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		913.927.127	48.240.903
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	3.196.850.711.158	1.708.879.098.838



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 là 24.067 (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 24.494).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề Ngày 21 tháng 4 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

2.6 **Quy định kế toán mới đã ban hành và áp dụng**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	2 - 4 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ khi phát sinh.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí tiền thuê trả trước;
- ▶ Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có quyền đồng kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Tiền mặt	249.458.185.607	254.143.283.239
Tiền gửi ngân hàng	2.905.160.878.332	3.096.166.680.635
Tiền đang chuyển	42.231.647.219	33.087.543.860
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	-	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>3.196.850.711.158</u>	<u>3.403.397.507.734</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND ở tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025		VND
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	
Ngắn hạn	24.626.681.104.010	24.626.681.104.010	24.595.564.699.379	24.595.564.699.379	
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	13.720.337.808.219	13.720.337.808.219	13.291.300.000.000	13.291.300.000.000	
Đầu tư khác (ii)	5.970.445.496.516	5.970.445.496.516	6.607.944.731.666	6.607.944.731.666	
Cho vay (iii)	4.255.000.000.000	4.255.000.000.000	4.055.000.000.000	4.055.000.000.000	
Phải thu lãi đầu tư	680.897.799.275	680.897.799.275	641.319.967.713	641.319.967.713	
Dài hạn	1.499.502.400.000	1.499.502.400.000	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000	
Đầu tư khác (iv)	1.499.502.400.000	1.499.502.400.000	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000	
TỔNG CỘNG	26.126.183.504.010	26.126.183.504.010	25.995.564.699.379	25.995.564.699.379	

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đây là các khoản trái phiếu năm giữ và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(iii) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên khác), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng

(iv) Đây là các khoản trái phiếu năm giữ có kỳ hạn từ 2 năm đến 7 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu bên khác	242.617.733.548	230.145.702.414
- Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	61.572.522.080	87.192.506.673
- Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	114.059.066.451	80.463.411.137
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	10.039.363.737	6.119.673.829
- Khác	56.946.781.280	56.370.110.775
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	44.008.555.655	149.036.806.683
TỔNG CỘNG	286.626.289.203	379.182.509.097

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Công ty TNHH MTV Thương Mại Aplus	15.834.295.520	-
Công ty TNHH Điện tử Asti	7.108.668.000	-
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nhất Thiên	-	11.290.331.762
Công ty TNHH SCT Supply Chain (Vietnam)	-	4.008.674.298
Khác	4.066.374.643	4.371.523.337
TỔNG CỘNG	27.009.338.163	19.670.529.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu nhà cung cấp (i)	1.218.582.924.169	923.425.890.174
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	346.976.092.060	293.014.411.725
- Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex	52.760.253.134	80.700.216.538
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	85.422.796.380	76.710.001.156
- Công ty TNHH Panasonic	67.687.659.317	42.565.091.432
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	54.516.322.621	37.284.502.503
- Công ty Cổ Phần Thế Giới Số	66.200.758.583	34.802.828.518
- Khác	545.019.042.074	358.348.838.302
Các khoản khác	55.655.016.441	48.138.016.747
TỔNG CỘNG	1.274.237.940.610	971.563.906.921
Trong đó:		
<i>Phải thu khác bên khác</i>	1.232.100.273.109	947.970.179.528
<i>Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	42.137.667.501	23.593.727.393
(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.		

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Điện thoại di động	9.079.370.887.648	10.436.899.938.796
Thiết bị điện tử	6.189.567.355.063	5.440.584.804.067
Thiết bị gia dụng	3.475.419.588.932	3.278.784.040.474
Máy tính xách tay	2.695.951.933.835	2.038.788.415.621
Phụ kiện	1.394.357.897.430	1.332.468.453.657
Máy tính bảng	332.679.828.973	381.398.358.512
Đồng hồ và mắt kính	202.069.333.087	181.715.243.135
Hàng hóa khác	203.651.238.303	163.480.901.138
TỔNG CỘNG	23.573.068.063.271	23.254.120.155.400
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(749.032.356.311)	(609.594.155.009)
GIÁ TRỊ THUẬN	22.824.035.706.960	22.644.526.000.391

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ngày 1 tháng 1	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	(749.032.356.311)	(435.088.525.557)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	609.594.155.009	423.097.685.938
Ngày 31 tháng 3	<u>(749.032.356.311)</u>	<u>(435.088.525.557)</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Ngắn hạn	306.373.017.099	328.323.620.044
Chi phí thuê cửa hàng	246.861.293.405	246.734.278.995
Công cụ, dụng cụ	2.258.711.466	30.613.951.287
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	39.599.002.803	21.119.645.276
Khác	17.654.009.425	29.855.744.486
Dài hạn	2.880.821.743	12.420.343.336
Chi phí thuê cửa hàng	849.941.977	7.597.948.480
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	2.026.260.596	2.518.804.422
Công cụ, dụng cụ	-	971.141.026
Chi phí khác	4.619.170	1.332.449.408
TỔNG CỘNG	<u>309.253.838.842</u>	<u>340.743.963.380</u>

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	8.212.466.960.178	294.386.799.596	871.393.799.278	9.378.247.559.052
Mua mới	8.131.275.523	-	304.836.354	8.436.111.877
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	58.156.597.358	-	-	58.156.597.358
Thanh lý	(32.244.204.741)	-	(15.508.278.051)	(47.752.482.792)
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	8.246.510.628.318	294.386.799.596	856.190.357.581	9.397.087.785.495
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	5.897.685.495.801	155.727.654.127	767.370.945.194	6.820.784.095.122
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(7.552.023.136.177)	(253.933.479.079)	(824.300.779.459)	(8.630.257.394.715)
Khấu hao trong kỳ	(123.878.685.829)	(6.060.870.258)	(4.134.068.200)	(134.073.624.287)
Thanh lý	16.676.163.124	-	13.491.857.599	30.168.020.723
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	(7.659.225.658.882)	(259.994.349.337)	(814.942.990.060)	(8.734.162.998.279)
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	660.443.824.001	40.453.320.517	47.093.019.819	747.990.164.337
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	587.284.969.436	34.392.450.259	41.247.367.521	662.924.787.216

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất Phần mềm máy tính</i>		<i>VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 3 năm 2026	<u>25.998.878.500</u>	<u>10.772.197.700</u>	<u>36.771.076.200</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 3 năm 2026	<u>-</u>	<u>(10.772.197.700)</u>	<u>(10.772.197.700)</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 3 năm 2026	<u>25.998.878.500</u>	<u>-</u>	<u>25.998.878.500</u>

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập các cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

15.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
			Tỷ lệ vốn năm giữ / Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ vốn năm giữ / Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa máy móc, thiết bị	99,99978	499.998.900.000	-	99,99978	499.998.900.000	-
TỔNG CỘNG				499.998.900.000	-		499.998.900.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Cũng tại ngày này, Công ty đã góp thêm vốn với giá trị 400.000.000.000 VND theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 29 tháng 12 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh tăng lên thành 99,99978%.

15.2 Đầu tư vào công ty liên doanh

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026			Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
	Số tiền	Dự	Tỷ lệ	Số tiền	Dự	Tỷ lệ
	VND	phòng	sở hữu	VND	phòng	sở hữu
PT Era Blu Elektronik	513.794.797.484	-	45	391.404.440.229	-	45

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2022, Công ty đã góp vốn vào PT Era Blu Elektronik theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia.

Vào ngày 10 tháng 3 năm 2026, Công ty đã hoàn tất giao dịch chuyển tiền góp vốn thêm trị giá 4.660.714,29 USD tương đương 122.390.357.255 VND vào PT Era Blu Elektronik.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Phải trả người bán	8.375.701.871.286	8.375.701.871.286	9.572.465.347.656	9.572.465.347.656	
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	1.131.989.926.980	1.131.989.926.980	454.259.048.400	454.259.048.400	
- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	823.789.359.877	823.789.359.877	511.561.974.100	511.561.974.100	
- Chi nhánh Công Ty TNHH Nhà Nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel	794.384.890.284	794.384.890.284	475.566.297.504	475.566.297.504	
- Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba	613.737.009.227	613.737.009.227	431.237.672.191	431.237.672.191	
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	526.807.387.472	526.807.387.472	666.723.063.260	666.723.063.260	
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	421.920.704.453	421.920.704.453	306.843.068.741	306.843.068.741	
- Chi nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	319.860.481.813	319.860.481.813	542.129.799.607	542.129.799.607	
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	299.154.597.811	299.154.597.811	756.976.130.250	756.976.130.250	
- Công ty và chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang	108.939.500.444	108.939.500.444	997.223.502.161	997.223.502.161	
- Khác	3.335.118.012.925	3.335.118.012.925	4.429.944.791.442	4.429.944.791.442	
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	261.948.160.807	261.948.160.807	245.580.094.679	245.580.094.679	
TỔNG CỘNG	8.637.650.032.093	8.637.650.032.093	9.818.045.442.335	9.818.045.442.335	

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số dư thể hiện các khoản trả trước từ khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2026
	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	580.725.363.408	771.136.612.392
Thuế giá trị gia tăng	191.450.900.178	3.662.081.475.713
Thuế thu nhập cá nhân	14.600.019.930	109.494.904.892
Khác	1.360.148.938	5.879.806.676
TỔNG CỘNG	788.136.432.454	4.548.592.799.673
		(760.231.252.362)
		(3.742.121.275.668)
		(78.824.621.190)
		(5.968.215.313)
		749.583.867.594

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Thưởng nhân viên	2.121.562.258.115	2.157.062.672.016
Chi phí tiếp thị quảng cáo	416.084.339.970	365.569.840.291
Chi phí hỗ trợ lãi suất	199.539.331.851	172.645.066.666
Các khoản phải trả nhân viên	95.756.997.362	80.136.953.905
Chi phí lãi vay	82.512.596.652	72.706.064.104
Chi phí tiện ích	91.546.240.336	65.782.041.546
Chi phí vận chuyển	13.167.999.368	8.471.523.316
Khác	29.633.743.206	28.582.942.498
TỔNG CỘNG	3.049.803.506.860	2.950.957.104.342

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu từ các gói bảo dưỡng và cung cấp thiết bị thay thế đã nhận trước từ các khách hàng.

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phiếu mua hàng	726.225.121.418	401.625.744.500
Thu hộ cước phí	443.263.163.447	253.725.254.750
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	52.446.032.019	66.344.240.957
Nhận ký quỹ	20.925.000.000	22.215.000.000
Khác	122.301.403.233	38.956.856.306
TỔNG CỘNG	1.365.160.720.117	782.867.096.513
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	1.291.510.491.248	777.111.492.267
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	73.650.228.869	5.755.604.246

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY NGÂN HÀNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Thu từ đi vay	Trả nợ vay	Ngày 31 tháng 3 năm 2026
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	23.210.389.329.323	21.899.652.103.930	(23.148.680.330.080)	21.961.361.103.173
Trong đó:				
Số có khả năng trả nợ Vay ngắn hạn	23.210.389.329.323			21.961.361.103.173

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	VND	Ngày đáo hạn
Khoản vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo	21.961.361.103.173		Từ ngày 6 tháng 4 năm 2026 đến ngày 4 tháng 9 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
VND			
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.361.518.810.000	16.240.324.255.864	20.601.843.065.864
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	1.508.000.972.869	1.508.000.972.869
Chia cổ tức	-	(500.000.000.005)	(500.000.000.005)
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	<u>4.361.518.810.000</u>	<u>17.248.325.228.728</u>	<u>21.609.844.038.728</u>
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	11.012.835.000.000	6.807.980.886.186	17.820.815.886.186
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	2.180.108.638.013	2.180.108.638.013
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	<u>11.012.835.000.000</u>	<u>8.988.089.524.199</u>	<u>20.000.924.524.199</u>

22.2 Chi tiết vốn đã góp

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	1.089.775.600	98,955	1.089.775.600	98,955
Các cá nhân	11.507.900	1,045	11.507.900	1,045
TỔNG CỘNG	<u>1.101.283.500</u>	<u>100,00</u>	<u>1.101.283.500</u>	<u>100,00</u>

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đã góp (tiếp theo)

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Tổng doanh thu	32.675.056.046.133	24.839.869.272.850
Các khoản giảm trừ doanh thu <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(239.072.502.856) <i>(239.072.502.856)</i>	(197.955.061.033) <i>(197.955.061.033)</i>
Doanh thu thuần	<u>32.435.983.543.277</u>	<u>24.641.914.211.817</u>

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Lãi tiền gửi, cho vay và đầu tư	457.932.409.005	383.175.700.216
Chiết khấu thanh toán	41.725.583.655	45.252.898.375
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.144.101.513	636.224.629
TỔNG CỘNG	<u>500.802.094.173</u>	<u>429.064.823.220</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Chi phí mua hàng và dịch vụ cung cấp	<u>26.213.574.825.407</u>	<u>20.228.279.234.929</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Chi phí lãi vay	322.270.011.669	200.056.207.264
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	953.062.431	515.306
Khác	606.255.914	780.972.450
TỔNG CỘNG	<u>323.829.330.014</u>	<u>200.837.695.020</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.647.978.576.226	1.138.025.146.119
Chi phí nhân viên	761.582.166.790	625.192.419.323
Chi phí khấu hao và hao mòn	134.034.010.397	188.556.811.125
Chi phí khác	45.148.613.772	48.477.528.042
TỔNG CỘNG	<u>2.588.743.367.185</u>	<u>2.000.251.904.609</u>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Chi phí nhân viên	929.139.254.124	643.175.524.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.464.922.003	113.679.394.245
Chi phí khấu hao và hao mòn	39.613.890	26.383.737
Chi phí khác	15.611.752.622	1.978.528.742
TỔNG CỘNG	<u>1.087.255.542.639</u>	<u>758.859.830.858</u>

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26.213.574.825.407	20.228.279.234.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.790.443.498.229	1.251.704.540.364
Chi phí nhân viên	1.690.721.420.914	1.268.367.943.457
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12 và 13)	134.073.624.287	188.583.194.862
Chi phí khác	60.760.366.394	50.456.056.784
TỔNG CỘNG	<u>29.889.573.735.231</u>	<u>22.987.390.970.396</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Chi phí thuế TNDN	768.724.782.489	380.292.182.958
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	2.411.829.903	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	771.136.612.392	380.292.182.958
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(221.742.796.052)	(2.102.682.734)
TỔNG CỘNG	549.393.816.340	378.189.500.224

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.729.502.454.353	1.886.190.473.093
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	545.900.490.871	377.238.094.619
<i>Các điều chỉnh</i>		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những kỳ trước	2.411.829.903	-
Chi phí không được trừ	1.081.495.566	951.405.605
Chi phí thuế TNDN ước tính	549.393.816.340	378.189.500.224

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ này kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Chi phí phải trả	353.712.532.246	176.618.473.257	177.094.058.989	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149.806.471.262	121.918.831.002	27.887.640.260	2,398,167,923
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	122.543.126.054	107.387.343.689	15.155.782.366	(1,479,345,329)
Dự phòng chi phí bảo hành	19.676.285.692	17.899.612.226	1.776.673.468	-
Dự phòng khấu hao	2.156.143.411	2.156.143.410	-	1,172,681,613
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(182.785.425)	(11.426.394)	(171.359.031)	11,178,527
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	647.711.773.240	425.968.977.190		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			221.742.796.052	2.102.682.734

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm)	Công ty con
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư An Nhi	Công ty cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Quý Từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Zynstra tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Purple Wifi tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
NEWT Natural Capital LLP tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức bằng tiền	-	499.722.985.260
Công ty Cổ phần Thương mại Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ	508.849.319.996	345.443.464.222
	Mua hàng hóa	67.052.593.749	61.653.781.510
	Bán hàng hóa và dịch vụ	8.121.385.364	8.022.756.700
	Bán tài sản cố định	-	85.094.501
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	138.456.346.303	110.990.782.635
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	76.719.653.681	53.046.732.928
	Dịch vụ cho thuê	5.762.100.000	5.762.100.000
	Bán tài sản cố định	-	1.824.758.744
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	5.973.114.473	3.342.959.580
	Mua tài sản cố định	-	241.351.293
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	11.132.260.294	-
	Bán tài sản cố định	17.127.720.956	-
	Thuê mặt bằng	13.343.214.200	-
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi phí thuê	-	3.954.899.444
Ông Robert Alan Willett	Chi phí tư vấn	312.500.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2026</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	14.907.176.332	130.837.206.774
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa và dịch vụ	24.131.866.572	16.047.910.932
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	2.059.867.743	2.115.803.639
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Bán hàng hóa	2.909.645.008	35.885.338
		44.008.555.655	149.036.806.683
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán công cụ, dụng cụ	-	6.912.000.817
	Cho thuê	-	2.074.355.898
	Chi hộ	651.165.296	428.418.548
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	7.350.762.255	7.573.719.423
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Dịch vụ khác	15.385.778.132	3.015.479.418
	Chi hộ	-	609.892.620
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	-	2.940.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Chi hộ	24.084.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	76.252.485	39.760.669
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Chi hộ	18.649.625.333	-
		42.137.667.501	23.593.727.393
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ	175.345.053.294	177.977.072.387
	Mua hàng hóa	46.736.860.055	459.076.755
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	39.866.247.458	61.047.259.724
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	-	4.682.783.222
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Mua hàng hóa	-	1.412.060.256
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Mua hàng hóa	-	1.842.335
		261.948.160.807	245.580.094.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Thu hộ	6.557.588.007	3.586.085.196
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Thu hộ	7.308.181.499	1.840.887.467
Thợ Điện Máy Xanh	Thu hộ	10.300.038.558	324.700.765
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thu hộ	8.351.919.738	3.930.818
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thu hộ	41.132.501.067	-
		73.650.228.869	5.755.604.246

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	1.511.367.757	-
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	-	418.200.000
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	208.320.000	241.967.755
TỔNG CỘNG		1.719.687.757	660.167.755

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Đến 1 năm	2.182.251.845.284	2.147.588.199.450
Từ 1 đến 5 năm	5.940.697.099.227	5.857.334.365.277
Trên 5 năm	1.670.259.200.994	1.678.410.700.706
TỔNG CỘNG	9.793.208.145.505	9.683.333.265.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

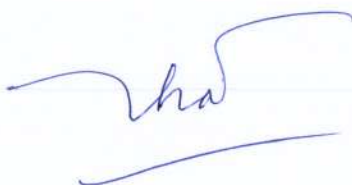
32. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 của báo cáo tài chính của kỳ này. Chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.899.244.731.666	4.696.319.967.713	24.595.564.699.379
Phải thu về cho vay ngắn hạn	4.055.000.000.000	(4.055.000.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.612.883.874.634	(641.319.967.713)	971.563.906.921

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

